

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 57 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo QĐ số 1222 /QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 6 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTBHT thang 10	ĐTBHT thang 4	ĐRL	MGHP	Loại HB
1	21D100320	Bùi Mai	Phương	K57A5	A	10	9.50	4.00	85		Giỏi
2	21D100328	Nguyễn Anh	Thư	K57A5	A	10	9.49	4.00	80		Giỏi
3	21D100363	Đình Minh	Ngọc	K57A6	A	10	9.41	4.00	97		Xuất sắc
4	21D100203	Ma Thị	Diệp	K57A3	A	10	9.41	4.00	84	Có	Giỏi
5	21D100172	Tổng Nga	Linh	K57A2	A	10	9.29	4.00	81		Giỏi
6	21D100246	Trần Đặng Phương	Anh	K57A4	A	10	9.29	4.00	83		Giỏi
7	21D100307	Vương Quốc	Hung	K57A5	A	10	9.28	4.00	82		Khá
8	21D100343	Nguyễn Thị	Dung	K57A6	A	10	9.22	4.00	80		Khá
9	21D100178	Trương Thị Như	Ngọc	K57A2	A	10	9.20	4.00	92		Xuất sắc
10	21D100398	Nguyễn Tuấn	Hùng	K57A7	A	10	9.20	4.00	75		Khá
11	21D100335	Lê Diệu	Anh	K57A6	A	10	9.14	4.00	93		Khá
12	21D100303	Phạm Nguyễn Trang	Hiền	K57A5	A	10	9.13	4.00	83		Khá
13	21D100158	Bùi Phương	Duyên	K57A2	A	10	9.08	4.00	73		Khá
14	21D100394	Trần Thu	Hiền	K57A7	A	10	9.08	4.00	75		Khá
15	21D100349	Trần Thị	Hiền	K57A6	A	10	9.07	3.85	84		Khá
16	21D100174	Nguyễn Thị Nhật	Minh	K57A2	A	10	9.06	4.00	86		Khá
17	21D100407	Nguyễn Thị Huyền	My	K57A7	A	10	9.00	3.85	82		Khá
18	21D100173	Dương Hoàng	Mai	K57A2	A	10	8.99	4.00	83	Có	Khá
19	21D111252	Nguyễn Thị Lan	Hương	K57B3KD	BKD	15	9.60	4.00	82		Giỏi
20	21D111152	Đoàn Phương	Thanh	K57B1KD	BKD	15	9.43	4.00	93		Xuất sắc
21	21D111258	Nguyễn Ngọc Tùng	Linh	K57B3KD	BKD	15	9.37	4.00	90		Giỏi
22	21D111158	Bùi Linh	Trang	K57B1KD	BKD	15	9.13	4.00	92		Giỏi
23	21D111284	Hoàng Thu	Thủy	K57B3KD	BKD	15	9.10	4.00	81		Khá
24	21D111150	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	K57B1KD	BKD	15	9.07	3.83	80		Khá
25	21D111125	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K57B1KD	BKD	15	9.03	4.00	80		Khá
26	21D111222	Đình Thị Thu	Trang	K57B2KD	BKD	15	9.03	4.00	78	Có	Khá
27	21D111250	Đình Quang	Huy	K57B3KD	BKD	15	9.00	4.00	80		Khá
28	21D110153	Trịnh Thị	Huế	K57B2KS	BKS	10	9.40	4.00	96		Xuất sắc
29	21D110157	Nguyễn Thị	Lân	K57B2KS	BKS	10	9.26	4.00	87		Giỏi
30	21D110190	Nguyễn Thị	Hiền	K57B3KS	BKS	10	9.21	4.00	80		Giỏi
31	21D110131	Lưu Thị	Tâm	K57B1KS	BKS	10	9.20	4.00	90		Giỏi
32	21D110128	Lê Tuấn	Phương	K57B1KS	BKS	10	9.13	4.00	84		Khá
33	21D110124	Đào Thị Kim	Ngân	K57B1KS	BKS	10	9.11	3.85	80		Khá
34	21D110159	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K57B2KS	BKS	10	9.09	4.00	76		Khá
35	21D110134	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	K57B1KS	BKS	10	9.07	3.85	86		Khá
36	21D110254	Lại Thị Thu	Trang	K57B4KS	BKS	10	9.05	3.85	80		Khá
37	21D251105	Nguyễn Thị Lan	Anh	K57B1LD	BLD	15	9.33	4.00	81		Giỏi
38	21D251110	Phan Quỳnh	Châu	K57B1LD	BLD	15	9.17	4.00	92		Giỏi
39	21D251114	Phan Thị Thùy	Dương	K57B1LD	BLD	15	9.17	4.00	94		Xuất sắc
40	21D251189	Hứa Thị Thùy	Linh	K57B2LD	BLD	15	9.13	4.00	75		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTBHT thang 10	ĐTBHT thang 4	ĐRL	MGHP	Loại HB
41	21D251123	Kiều Thị Thanh	Huyền	K57B1LD	BLD	15	9.10	4.00	99		Khá
42	21D251131	Trần Thùy	Linh	K57B1LD	BLD	15	9.10	4.00	80		Khá
43	21D250147	Nguyễn Văn	Hạnh	K57B2LH	BLH	10	9.70	4.00	100		Xuất sắc
44	21D250155	Nguyễn Thị	Linh	K57B2LH	BLH	10	9.35	4.00	80		Giỏi
45	21D250190	Nguyễn Thị Kim	Ly	K57B3LH	BLH	10	9.35	4.00	85		Giỏi
46	21D250503	Lương Thị	Nga	K57B3LH	BLH	10	9.21	4.00	83	Có	Khá
47	21D250188	Nguyễn Thị Xuân	Khang	K57B3LH	BLH	10	9.20	4.00	94		Khá
48	21D250186	Chu Quang	Huân	K57B3LH	BLH	10	9.19	3.85	82		Khá
49	21D120119	Trần Thị Xuân	Mai	K57C1	C	10	9.15	4.00	96		Xuất sắc
50	21D120264	Giang Tuyết	Nhung	K57C5	C	10	9.15	4.00	80		Giỏi
51	21D120178	Phạm Duy Hoàng	Đạt	K57C3	C	10	9.12	4.00	78		Khá
52	21D120181	Ngô Thị	Hạnh	K57C3	C	10	9.12	4.00	82		Giỏi
53	21D120192	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	K57C3	C	10	9.12	4.00	74	Có	Khá
54	21D120222	Hoàng Thị Tuyết	Linh	K57C4	C	10	9.12	4.00	90		Giỏi
55	21D120016	Phùng Thị Thanh	Huyền	K57C3	C	10	9.09	4.00	82		Khá
56	21D120206	Dương Thị Hà	Vy	K57C3	C	10	9.09	4.00	87		Khá
57	21D120136	Phạm Thị	Yến	K57C1	C	10	9.08	4.00	90		Khá
58	21D120040	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	K57C5	C	10	9.08	4.00	87		Khá
59	21D120058	Phạm Thị Ngọc	Anh	K57C5	C	10	9.08	4.00	88		Khá
60	21D220207	Vũ Hồng Ngọc	Anh	K57T3	T	10	9.32	4.00	80		Giỏi
61	21D220250	Nguyễn Ngọc	Tú	K57T3	T	10	9.18	4.00	85		Giỏi
62	21D220132	Quách Thị Bảo	Ngọc	K57T1	T	10	9.12	4.00	80		Giỏi
63	21D220226	Bùi Văn	Lợi	K57T3	T	10	9.12	4.00	76		Khá
64	21D220160	Vũ Thị Nhật	Dung	K57T2	T	10	9.05	4.00	87		Khá
65	21D220166	Phùng Thị	Hiền	K57T2	T	10	9.05	4.00	74		Khá
66	21D220244	Nguyễn Thị Phương	Thủy	K57T3	T	10	9.04	4.00	84		Khá
67	21D220202	Tạ Thị	Yến	K57T2	T	10	9.01	4.00	84		Khá
68	21D150242	Nguyễn Thị	Huệ	K57D3	D	10	9.35	4.00	85		Giỏi
69	21D150230	Nghiêm Thùy	Dương	K57D3	D	10	9.29	4.00	88		Giỏi
70	21D150246	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	K57D3	D	10	9.21	4.00	81		Khá
71	21D150245	Dương Hà Thu	Hương	K57D3	D	10	9.20	4.00	85		Khá
72	21D150250	Lưu Phương	Linh	K57D3	D	10	9.14	4.00	82		Khá
73	21D150104	Tạ Lan	Anh	K57D1	D	13	9.10	3.88	74		Khá
74	21D150140	Vũ Thị Kim	Ngân	K57D1	D	10	9.06	4.00	90		Xuất sắc
75	21D150258	Bạch Mai	Ngân	K57D3	D	10	9.06	4.00	81		Khá
76	21D270112	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	K57DC1	DC	10	9.49	4.00	87		Giỏi
77	21D270143	Vũ Trúc Quỳnh	An	K57DC2	DC	10	9.37	4.00	84		Khá
78	21D270102	Lê Thị Quỳnh	Anh	K57DC1	DC	10	9.35	4.00	80		Khá
79	21D270104	Trịnh Thanh	Bình	K57DC1	DC	10	9.29	4.00	81		Khá
80	21D155002	Chu Huệ	Mẫn	K57DD1	DD	10	9.47	4.00	96		Giỏi
81	21D155168	Phạm Thị Xuân	Mai	K57DD2	DD	10	9.41	4.00	85		Khá
82	21D155157	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K57DD2	DD	10	9.35	4.00	93		Khá
83	21D155148	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	K57DD2	DD	10	9.30	4.00	83		Khá
84	21D290178	Đoàn Thị	Mây	K57DK2	DK	10	9.35	4.00	93		Giỏi
85	21D290171	Doãn Tuấn	Kiệt	K57DK2	DK	10	9.30	4.00	100		Khá
86	21D290175	Hoàng Thị Cẩm	Ly	K57DK2	DK	10	9.20	4.00	84		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTBHT thang 10	ĐTBHT thang 4	ĐRL	MGHP	Loại HB
87	21D130183	Lê Chí	Thoại	K57E2	E	10	9.46	3.85	80		Giỏi
88	21D130014	Nguyễn Hà	Anh	K57E2	E	10	9.41	4.00	82		Giỏi
89	21D130141	Nguyễn Thị	Thúy	K57E1	E	10	9.36	4.00	80		Khá
90	21D130213	Ngô Thùy	Linh	K57E3	E	10	9.35	4.00	96		Xuất sắc
91	21D130194	Bùi Minh	Ánh	K57E3	E	10	9.33	4.00	87	Có	Khá
92	21D130163	Vũ Trung	Hiếu	K57E2	E	10	9.32	3.85	67		Khá
93	21D130010	Nguyễn Văn Minh	Sang	K57E4	E	10	9.26	4.00	94		Khá
94	21D260215	Nguyễn Hoài	Thương	K57EK2	EK	10	9.70	4.00	80		Giỏi
95	21D260002	Nguyễn Hải	Anh	K57EK1	EK	10	9.36	4.00	94		Giỏi
96	21D260185	Hoàng Thị	Huyền	K57EK2	EK	10	9.35	4.00	93		Khá
97	21D260131	Trần Ngọc	Lan	K57EK1	EK	10	9.29	4.00	83		Khá
98	21D260220	Nguyễn Thị Thu	Trà	K57EK2	EK	10	9.27	4.00	80		Khá
99	21D300179	Nguyễn Thị Hải	Phượng	K57LQ3	LQ	10	9.44	4.00	73		Khá
100	21D300143	Lê Cao Phương	Linh	K57LQ2	LQ	10	9.29	4.00	73		Khá
101	21D300019	Phạm Tuấn	Nghĩa	K57LQ2	LQ	10	9.26	4.00	83		Giỏi
102	21D300112	Phùng Thị	Hường	K57LQ1	LQ	10	9.20	4.00	82		Giỏi
103	21D300028	Phạm Văn	Quyển	K57LQ2	LQ	10	9.20	4.00	73	Có	Khá
104	21D300122	Lê Đình	Sơn	K57LQ1	LQ	10	9.13	4.00	75		Khá
105	21D160334	Trần Hoàng Diệu	Linh	K57F5	F	10	9.14	4.00	88		Giỏi
106	21D160322	Đặng Thị Thu	Hà	K57F5	F	10	9.11	4.00	88		Giỏi
107	21D160127	Trần Thị Khánh	Linh	K57F1	F	10	9.08	4.00	85		Giỏi
108	21D160210	Vũ Thị Linh	Chi	K57F3	F	10	9.08	4.00	82		Khá
109	21D160319	Phạm Bá	Đạt	K57F5	F	10	9.08	4.00	84		Khá
110	21D160501	Lâm Văn	Đông	K57F5	F	10	9.02	4.00	80	Có	Khá
111	21D160179	Vũ Thùy	Linh	K57F2	F	10	9.01	4.00	96		Xuất sắc
112	21D160188	Đỗ Thị Hồng	Nhung	K57F2	F	10	9.01	4.00	75		Khá
113	21D160105	Nguyễn Minh	Ánh	K57F1	F	10	9.00	4.00	100		Khá
114	21D160243	Trịnh Trọng	Quyển	K57F3	F	10	9.00	4.00	94		Khá
115	21D160291	Nguyễn Hà Hạnh	Nhi	K57F4	F	10	9.00	4.00	83		Khá
116	21D180259	Đào Lê Mai	Anh	K57H4	H	10	9.31	3.85	74		Khá
117	21D180135	Phan Thị	Ngọc	K57H1	H	10	9.29	4.00	73		Khá
118	21D180145	Võ Phương	Thùy	K57H1	H	10	9.20	4.00	90		Xuất sắc
119	21D180260	Ngô Thị Vân	Anh	K57H4	H	10	9.20	4.00	80		Giỏi
120	21D180267	Nguyễn Hữu	Đại	K57H4	H	10	9.19	4.00	74		Khá
121	21D180101	Hoàng Thị Tú	An	K57H1	H	10	9.17	3.85	72		Khá
122	21D180142	Lê Nam	Sơn	K57H1	H	10	9.12	4.00	74		Khá
123	21D180127	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K57H1	H	10	9.08	4.00	75		Khá
124	21D180114	Phạm Trà	Giang	K57H1	H	10	9.06	4.00	100		Giỏi
125	21D180210	Nguyễn Ngọc	Ánh	K57H3	H	10	9.03	3.85	74		Khá
126	21D180268	Nguyễn Công	Đức	K57H4	H	10	9.03	3.85	74		Khá
127	21D280112	Nguyễn Minh	Dương	K57HC1	HC	10	9.51	4.00	85		Giỏi
128	21D280142	Trần Thị Kim	Oanh	K57HC1	HC	10	9.37	4.00	80		Giỏi
129	21D280168	Nguyễn Phương	Chi	K57HC2	HC	10	9.33	4.00	86		Giỏi
130	21D280138	Hoàng Thị	Mơ	K57HC1	HC	10	9.30	4.00	80		Khá
131	21D280106	Trần Thị Ngọc	Ánh	K57HC1	HC	10	9.23	4.00	67		Khá
132	21D280170	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	K57HC2	HC	10	9.22	4.00	80		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTBHT thang 10	ĐTBHT thang 4	ĐRL	MGHP	Loại HB
133	21D185124	Hoàng Bảo	Linh	K57HH1	HH	10	9.56	4.00	67		Khá
134	21D185115	Phạm Việt	Hà	K57HH1	HH	10	9.53	4.00	82		Giỏi
135	21D185110	Phan Thùy	Dung	K57HH1	HH	10	9.49	4.00	81		Khá
136	21D140245	Chu Quang	Hiếu	K57I4	I	10	9.35	4.00	86		Giỏi
137	21D140267	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K57I4	I	10	9.35	4.00	84		Giỏi
138	21D140006	Trần Thị Ánh	Dương	K57I5	I	10	9.35	4.00	82	Có	Khá
139	21D140302	Trần Lê	Ngân	K57I5	I	10	9.35	4.00	97		Xuất sắc
140	21D140309	Trần Thị Diễm	Quỳnh	K57I5	I	10	9.35	4.00	86		Giỏi
141	21D140322	Nguyễn Thị Thanh	Vân	K57I5	I	10	9.35	4.00	82		Khá
142	21D140019	Nguyễn Ngọc	Mai	K57I5	I	10	9.23	4.00	80		Khá
143	21D140237	Phạm Phương	Anh	K57I4	I	10	9.19	4.00	75		Khá
144	21D140157	Trần Ngọc	Huy	K57I2	I	10	9.15	4.00	94		Khá
145	21D190157	Vũ Thị Lan	Anh	K57S2	S	10	9.26	4.00	97		Giỏi
146	21D190203	Trần Thị Thùy	Trâm	K57S2	S	10	9.26	4.00	100		Xuất sắc
147	21D190114	Chu Thúy	Hoa	K57S1	S	10	9.20	4.00	80		Khá
148	21D190172	Nguyễn Việt	Hùng	K57S2	S	10	9.20	4.00	84		Giỏi
149	21D190140	Hoàng Thị	Tâm	K57S1	S	10	9.15	4.00	74		Khá
150	21D190192	Nguyễn Như	Quỳnh	K57S2	S	10	9.00	3.85	83		Khá
151	21D190162	Đỗ Phương	Dung	K57S2	S	10	8.94	4.00	86		Khá
152	21D190173	Nguyễn Thị Thu	Hương	K57S2	S	10	8.94	4.00	90		Khá
153	21D191152	Hoàng Thị Quỳnh	Nga	K57SD2	SD	10	9.35	4.00	100		Giỏi
154	21D191181	Phùng Mai	Linh	K57SD3	SD	10	9.35	4.00	97		Giỏi
155	21D191150	Đỗ Văn	Long	K57SD2	SD	10	9.21	4.00	82		Khá
156	21D191119	Nguyễn Hoàng	Minh	K57SD1	SD	10	9.00	4.00	96		Khá
157	21D191151	Hoàng Thị	Mai	K57SD2	SD	10	9.00	4.00	81		Khá
158	21D170168	Nguyễn Thị	Kiều	K57N2	N	10	9.35	4.00	94		Xuất sắc
159	21D170114	Mẫu Thị	Hằng	K57N1	N	10	9.27	4.00	69		Khá
160	21D170268	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	K57N4	N	10	9.27	4.00	87		Giỏi
161	21D170181	Nguyễn Như	Quỳnh	K57N2	N	10	9.22	4.00	94		Giỏi
162	21D170324	Lê Thị Hương	Trà	K57N5	N	10	9.15	4.00	80		Giỏi
163	21D170256	Lê Thị Minh	Huyền	K57N4	N	10	9.14	4.00	88		Giỏi
164	21D170222	Nguyễn Yến	Nhi	K57N3	N	10	9.13	4.00	81		Khá
165	21D170173	Phạm Trung	Minh	K57N2	N	10	9.11	4.00	82		Khá
166	21D170172	Nguyễn Phương	Mai	K57N2	N	10	9.09	4.00	76		Khá
167	21D170023	Hoàng Thị Phương	Minh	K57N5	N	10	9.07	3.85	97		Khá
168	21D170118	Nguyễn Kim	Hoàng	K57N1	N	10	9.06	4.00	97		Khá
169	21D170290	Hà Hương	Giang	K57N5	N	10	9.04	3.85	78		Khá
170	21D170141	Đặng Thu	Trang	K57N1	N	10	9.03	3.85	90		Khá
171	21D170130	Nguyễn Hồng	Ngọc	K57N1	N	10	9.00	3.85	79		Khá
172	21D200225	Nguyễn Minh	Hằng	K57P3	P	10	9.66	4.00	100		Xuất sắc
173	21D200205	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	K57P2	P	10	9.59	4.00	93		Giỏi
174	21D200152	Nguyễn Minh	Tú	K57P1	P	10	9.58	4.00	86		Giỏi
175	21D200163	Trần Nhân	Chi	K57P2	P	10	9.56	4.00	83		Khá
176	21D200236	Trần Diệu	Linh	K57P3	P	10	9.44	4.00	99		Khá
177	21D200129	Nguyễn Thị	Linh	K57P1	P	10	9.42	4.00	94		Khá
178	21D105170	Nguyễn Thị	Thảo	K57Q2	Q	10	9.20	4.00	76		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTBHT thang 10	ĐTBHT thang 4	ĐRL	MGHP	Loại HB
179	21D105171	Nguyễn Thị Minh	Thúy	K57Q2	Q	10	9.20	4.00	100		Giỏi
180	21D105110	Vũ Thùy	Dương	K57Q1	Q	10	9.14	4.00	79		Khá
181	21D107024	Vũ Thu	Uyên	K57QT3	QT	10	9.44	4.00	86		Giỏi
182	21D107103	Vũ Tú	Anh	K57QT1	QT	10	9.29	4.00	93		Khá
183	21D107115	Nguyễn Thị	Hung	K57QT1	QT	10	9.16	4.00	87		Khá
184	21D107130	Nguyễn Thanh	Thùy	K57QT1	QT	10	9.06	4.00	77		Khá
185	21D107017	Lương Thị Trà	Mi	K57QT2	QT	10	9.05	4.00	77		Khá
186	21D210134	Lê Thị Yến	Nhi	K57U1	U	10	9.36	4.00	75		Khá
187	21D210183	Trần Thị Trà	My	K57U2	U	10	9.27	4.00	83		Giỏi
188	21D210185	Đỗ Thị Minh	Ngọc	K57U2	U	10	9.27	4.00	86		Giỏi
189	21D210272	Lê Thị Hiếu	Hạnh	K57U4	U	10	9.26	4.00	86		Giỏi
190	21D210184	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	K57U2	U	10	9.20	4.00	81		Giỏi
191	21D210010	Chu Thị Như	Quỳnh	K57U3	U	10	9.14	3.85	80		Khá
192	21D210246	Nguyễn Thúy	Quỳnh	K57U3	U	10	9.14	3.85	75		Khá
193	21D210293	Dương Thị	Nhung	K57U4	U	10	9.13	4.00	86		Khá
194	21D210326	Hoàng Thị	Hiền	K57U5	U	10	9.13	4.00	80		Khá
195	21D210177	Trần Mai	Linh	K57U2	U	10	9.09	4.00	79		Khá

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS, TS Nguyễn Hoàng